

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM
NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 32
8. Phụ lục	33

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng doanh nghiệp và đăng ký thuế số 0301042973, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 90.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3 9 303 186

Fax : (84-8) 3 9 303 186

Mã số thuế : 0 3 0 1 0 4 2 9 7 3

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế là:

- Sản xuất thực phẩm và đồ uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (Trừ giường, tủ, bàn, ghê), sản xuất các loại sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất;
- Mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán và đại lý (trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy): nông thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thực phẩm và đồ uống (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống), gỗ, đồ gỗ tinh chế, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị văn phòng, máy tính, máy in và các thiết bị ngoại vi của máy vi tính, mua bán máy móc phụ tùng máy nông ngư cõi;
- Các hoạt động liên qua đến bất động sản: cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 28 tháng 4 năm 2014 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)	1.282.534.243 VND
- Trích quỹ khen thưởng (5% lợi nhuận do Công ty thực hiện)	1.006.314.916 VND
- Trích quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận do Công ty thực hiện)	402.525.966 VND
- Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (2% lợi nhuận do Công ty thực hiện)	402.525.966 VND
- Chia cổ tức bổ sung (5% mệnh giá)	4.500.000.000 VND
Cộng	7.593.901.091 VND

Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014 (15% mệnh giá) tương đương 13.500.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị tại ngày 28 tháng 11 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Võ Thị Huyền Lan	Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Ngô Bình Long	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Phạm Hải Long	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Võ Thị Mỹ	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Không Văn Minh	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Thành viên	29 tháng 3 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Bình Long	Tổng Giám đốc	21 tháng 08 năm 2009	-
Ông Phạm Hải Long	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 04 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

00449
CÔNG
TH NHIỆM
TOÀN VI
A &
VY.T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Bình Long
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015





BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St, W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0450/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

M.S.
E

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.721.222.800	117.373.986.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.381.798.472	1.036.584.476
1. Tiền	111		2.381.798.472	1.036.584.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		81.200.000.000	76.288.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	81.200.000.000	76.288.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.041.956.831	39.703.369.071
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	16.934.306.492	15.882.684.113
2. Trả trước cho người bán	132		519.897.245	642.993.238
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	11.965.536.094	23.555.474.720
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(377.783.000)	(377.783.000)
IV. Hàng tồn kho	140		3.157.770	3.157.770
1. Hàng tồn kho	141		3.157.770	3.157.770
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.309.727	342.875.235
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	85.309.727	169.465.370
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	153.048.650
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.000.000	20.361.215

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192.591.029.973	182.246.591.136
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.587.990.832	41.826.772.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	16.957.310.253	19.016.523.729
<i>Nguyên giá</i>	222		33.361.169.012	34.928.944.833
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.403.858.759)	(15.912.421.104)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	16.456.203.200	16.843.820.293
<i>Nguyên giá</i>	228		19.062.629.500	19.062.629.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.606.426.300)	(2.218.809.207)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	10.174.477.379	5.966.428.925
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	81.148.370.238	86.362.909.218
<i>Nguyên giá</i>	241		101.967.617.103	101.967.617.103
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(20.819.246.865)	(15.604.707.885)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		67.754.116.000	53.754.116.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	53.960.000.000	39.960.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	13.794.116.000	13.794.116.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		100.552.903	302.792.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	100.552.903	302.792.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305.312.252.773	299.620.577.688

7815-C
CÔNG TY
HỮU HÌNH
À TƯ VẤN
C
ÔNG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.316.672.796	26.905.992.946
I. Nợ ngắn hạn	310		13.605.734.921	20.571.207.253
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	10.596.980.027
2. Phải trả người bán	312		129.800.000	129.800.000
3. Người mua trả tiền trước	313		47.907.329	133.526.214
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	3.904.904.090	4.500.118.737
5. Phải trả người lao động	315	V.14	237.886.000	216.025.770
6. Chi phí phải trả	316	V.15	138.098.000	104.171.268
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	7.718.974.466	3.486.093.549
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	1.428.165.036	1.404.491.688
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.710.937.875	6.334.785.693
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	4.710.937.875	6.334.785.693
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.995.579.977	272.714.584.742
I. Vốn chủ sở hữu	410		286.995.579.977	272.714.584.742
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	123.775.000.000	123.775.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	9.912.855.351	9.912.855.351
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	8.052.708.929	6.770.174.686
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	55.255.015.697	42.256.554.705
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>305.312.252.773</u>	<u>299.620.577.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		22.619,13	26.424,71
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015


Trần Nguyên Trân

Người lập biểu

Cao Xuân Cường
Kế toán trưởngNgô Bình Long
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

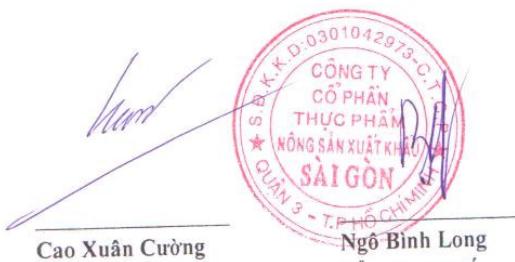
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.475.391.736	50.217.880.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	49.475.391.736	50.217.880.753
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.761.145.394	25.421.328.932
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.714.246.342	24.796.551.821
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.913.316.961	12.715.275.472
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	190.325.697	134.133.118
Trong đó: chi phí lãi vay	23		103.449.235	44.171.268
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	399.999.399	354.997.170
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.914.978.151	5.112.387.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.122.260.056	31.910.309.184
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.364.167.973	396.957.141
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.941.182.314	5.986.871
13. Lợi nhuận khác	40		4.422.985.659	390.970.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.545.245.715	32.301.279.454
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.452.883.632	6.650.594.592
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.092.362.083</u>	<u>25.650.684.862</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Trần Nguyên Trân
Người lập biểuCao Xuân Cường
Kế toán trưởngNgô Bình Long
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	54.266.634.869	52.655.995.883	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(17.313.154.587)	(14.710.551.633)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.015.139.865)	(3.047.543.388)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04	V.15; VI.4 (147.620.503)	-	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.13 (9.131.775.210)	(6.486.923.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.750.676.787	25.187.413.388	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.493.870.109)	(31.804.999.388)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>30.915.751.382</i>	<i>21.793.391.862</i>	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6, 8 (5.019.562.054)	(1.513.206.727)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7 6.655.515.000	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(76.288.000.000)	149 NG
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	NIỆM
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(159.300.000.000)	-	N VI
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	140.388.000.000	-	&
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4; VI.3 15.319.101.945	8.876.711.409	PY
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.956.945.109)</i>	<i>(68.924.495.318)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.000.000.000	10.596.980.027	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.596.980.027)	-	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 20 (17.016.612.250)	(26.518.485.500)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(27.613.592.277)</i>	<i>(15.921.505.473)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>1.345.213.996</i>	<i>(63.052.608.929)</i>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 1.036.584.476	64.089.193.405	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 <u>2.381.798.472</u>	<u>1.036.584.476</u>	



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Malina
Trần Nguyên Trần
Người lập biểu

Minh
Cao Xuân Cường
Kế toán trưởng

Minh
Ngô Bình Long
Tổng Giám đốc

15/
TY
ƯU
TƯ
C
Q

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 21 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 20 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thắt có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thắt để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	04- 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06- 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03- 10

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tòa nhà Văn phòng Agrex Tower thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Các thiết bị gắn liền với tòa nhà	08 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

NƠI
TRÁC
KIỂM
VĨNH BÌNH

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, giấy phép bản quyền phần mềm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

Mục đích

- | | |
|----------------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động |
| • Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Nhằm bù đắp vốn điều lệ của Công ty, đảm bảo vốn điều lệ đúng theo quy định của pháp luật |

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19875
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN
& C
PHÓC

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.079 VND/USD
31/12/2014: 21.342 VND/USD



19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.5.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cỗ tức và lợi nhuận được chia

Cỗ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cỗ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cỗ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	31.376.412	3.215.702
Tiền gửi ngân hàng	2.350.422.060	1.033.368.774
Cộng	<u><u>2.381.798.472</u></u>	<u><u>1.036.584.476</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng:		
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP. Hồ Chí Minh	66.900.000.000	68.539.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	7.300.000.000	7.749.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	7.000.000.000	
Cộng	<u><u>81.200.000.000</u></u>	<u><u>76.288.000.000</u></u>

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn	14.521.639.033	15.154.927.712
Phải thu bên thứ ba	2.412.667.459	727.756.401
Cộng	<u><u>16.934.306.492</u></u>	<u><u>15.882.684.113</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn về tiền cho mượn	-	14.000.000.000
Tiền lãi tạm tính từ các khoản tiền gửi	1.222.023.217	3.860.895.204
Phải thu từ việc nhận được cổ tức	10.732.834.971	5.524.386.542
Các khoản phải thu khác	10.677.906	170.192.974
Cộng	11.965.536.094	23.555.474.720

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	7.061.811	148.637.831
Chi phí dịch vụ	77.368.312	8.249.999
Bảo hiểm	879.604	12.577.540
Cộng	85.309.727	169.465.370

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	30.905.223.846	1.088.773.806	2.875.067.181	59.880.000	34.928.944.833
Mua sắm mới	-	-	-	421.244.600	421.244.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	390.269.000	-	-	-	390.269.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.379.289.421)	-	-	-	(2.379.289.421)
Số cuối năm	28.916.203.425	1.088.773.806	2.875.067.181	481.124.600	33.361.169.012

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.355.031.532	614.640.465	421.537.090	-	2.391.209.087
---	---------------	-------------	-------------	---	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	13.950.792.635	885.769.126	1.071.368.343	4.491.000	15.912.421.104
Khấu hao trong năm	1.336.690.239	49.052.364	284.872.120	54.255.615	1.724.870.338
Thanh lý, nhượng bán	(1.233.432.683)	-	-	-	(1.233.432.683)
Số cuối năm	14.054.050.191	934.821.490	1.356.240.463	58.746.615	16.403.858.759

Giá trị còn lại

Số đầu năm	16.954.431.211	203.004.680	1.803.698.838	55.389.000	19.016.523.729
Số cuối năm	14.862.153.234	153.952.316	1.518.826.718	422.377.985	16.957.310.253

Trong đó:

Tạm thời chưa sử
dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.982.590.500	80.039.000	19.062.629.500
Số cuối năm	18.982.590.500	80.039.000	19.062.629.500
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.146.735.488	72.073.719	2.218.809.207
Khấu hao trong năm	379.651.812	7.965.281	387.617.093
Số cuối năm	2.526.387.300	80.039.000	2.606.426.300
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.835.855.012	7.965.281	16.843.820.293
Số cuối năm	16.456.203.200	-	16.456.203.200
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang:				
- Dự án Gò Ô Môi - Phú Mỹ	4.099.000.000	82.727.273	-	4.181.727.273
- Dự án Võ Văn Tần	15.672.727	330.000.000	-	345.672.727
- Dự án Phú Thuận	1.851.756.198	616.636.364	-	2.468.392.562
- Dự án Tân Thuận	-	3.568.953.817	(390.269.000)	3.178.684.817
Cộng	5.966.428.925	4.598.317.454	(390.269.000)	10.174.477.379

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Các thiết bị gắn liền với tòa nhà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	72.245.858.616	29.721.758.487	101.967.617.103
Số cuối năm	72.245.858.616	29.721.758.487	101.967.617.103
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.183.806.109	9.420.901.776	15.604.707.885
Khấu hao trong năm	2.074.238.388	3.140.300.592	5.214.538.980
Số cuối năm	8.258.044.497	12.561.202.368	20.819.246.865
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	66.062.052.507	20.300.856.711	86.362.909.258
Số cuối năm	63.987.814.119	17.160.556.119	81.148.370.238
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15.C
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng Agrex Tower tại số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh dùng cho thuê. Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư này như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	33.477.537.526	34.537.248.053
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	10.273.643.838	10.417.965.774
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	6.314.977.550	5.467.384.991

10. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn với số tiền 53.960.000.000 VND, tương đương 99,926% vốn điều lệ.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	1.636.165	13.724.116.000	1.636.165	13.724.116.000
- Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Việt Nam	7	70.000.000	7	70.000.000
Cộng		13.794.116.000		13.794.116.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	134.575.427	19.000.000	(79.510.262)	74.065.165
Chi phí khác	168.217.544	-	(141.729.806)	26.487.738
Cộng	302.792.971	19.000.000	(221.240.068)	100.552.903

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.631.533.979	(3.433.276.889)	198.257.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.753.145.204	9.387.882.136	(9.131.775.210)	2.009.252.130
Thuế thu nhập cá nhân	284.925.671	710.817.326	(730.862.395)	264.880.602
Tiền thuê đất	2.462.047.862	691.917.178	(1.721.450.772)	1.432.514.268
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	4.500.118.737	14.430.150.619	(15.025.365.266)	3.904.904.090

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.545.245.715	32.301.279.454
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.657.990.789	830.355.828
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	45.203.236.504	33.131.635.282
Thu nhập miễn thuế	(11.326.492.721)	(6.529.256.916)
Thu nhập tính thuế	33.876.743.783	26.602.378.366
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.452.883.632	6.650.594.592
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.934.998.504	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.387.882.136	6.650.594.592

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Lương tháng 13 năm 2014 phải trả cho nhân viên.

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	44.171.268
Chi phí phải trả khác	138.098.000	60.000.000
Cộng	138.098.000	104.171.268

16. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	110.309.287	131.295.337
Phải trả về cổ phần hóa	207.391.893	207.391.893
Nhận ký quỹ	2.439.169.749	724.474.197
Phải trả cổ tức	1.483.987.197	500.599.447
Doanh thu chưa thực hiện	3.387.814.090	1.829.280.875
Các khoản phải trả khác	90.302.250	93.051.800
Cộng	7.718.974.466	3.486.093.549

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận trong năm	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	795.551.909	1.006.314.916	(809.153.000)	(60.580.000)	932.133.825
Quỹ phúc lợi	606.958.078	402.525.966	(516.110.500)	-	493.373.544
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.981.701	402.525.966	(401.850.000)	-	2.657.667
Cộng	1.404.491.688	1.811.366.848	(1.727.113.500)	(60.580.000)	1.428.165.036

18. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là 17.016.612.250 VND (năm trước là 26.518.485.500 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động thuê văn phòng, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.562.185.666	6.164.717.295
Cổ tức được chia	11.326.492.721	6.529.256.916
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.554.408	14.631.507
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.084.166	6.669.754
Cộng	17.913.316.961	12.715.275.472

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	103.449.235	44.171.268
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.335.418	79.565.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.541.044	10.396.077
Cộng	190.325.697	134.133.118

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	339.334.442	354.997.170
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.664.957	-
Cộng	399.999.399	354.997.170

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.278.532.554	3.454.624.349
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.588.891	64.823.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	728.952.012	713.284.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.452.910	86.138.402
Chi phí khác	2.476.451.784	793.517.705
Cộng	5.914.978.151	5.112.387.821

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.655.515.000	-
Thu nhập do được giảm tiền thuê đất	1.662.600.847	-
Thu tiền bán vật tư cũ	-	100.329.091
Xử lý công nợ	-	106.628.050
Thu nhập khác	46.052.126	190.000.000
Cộng	8.364.167.973	396.957.141

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.145.856.738	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.359.022.160	3.377.007
Chi phí khác	436.303.416	2.609.864
Cộng	3.941.182.314	5.986.871

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	581.875.373	701.303.003
Chi phí nhân công	3.542.838.914	4.153.280.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.327.026.411	7.392.342.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.783.105.978	17.567.022.510
Chi phí khác	2.841.276.268	1.074.765.109
Cộng	30.076.122.944	30.888.713.923

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.099.732.122	1.020.493.839
Tiền thưởng	93.486.325	215.000.000
Cộng	1.193.218.447	1.235.493.839

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn (công ty con).

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê mặt bằng, kho	8.040.046.518	8.095.285.979
Chia cổ tức	10.732.834.971	5.524.386.542

Giá dịch vụ cung cấp là giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê mặt bằng, kho	14.521.639.033	15.154.927.712
Phải thu tiền cho mượn	-	14.000.000.000
Cổ tức phải thu	10.732.834.971	5.524.386.542
Công nợ phải thu	25.254.474.004	34.679.314.254

7/8/15
TY
HUU
ATU
C
HOOC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực cho thuê văn phòng và trong một khu vực địa lý là TP. Hồ Chí Minh.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	29.759.915.865	14.479.106.436
Trên 01 năm đến 05 năm	27.312.078.909	17.824.265.399
Cộng	57.071.994.774	32.303.371.835

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn	
		và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.381.798.472	-	2.381.798.472
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.200.000.000	-	81.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Công
Phải thu khách hàng	16.556.523.492	377.783.000	16.934.306.492
Các khoản phải thu khác	11.965.536.094	-	11.965.536.094
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000
Cộng	125.897.974.058	377.783.000	126.275.757.058

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	1.036.584.476	-	1.036.584.476
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	76.288.000.000	-	76.288.000.000
Phải thu khách hàng	15.504.901.113	377.783.000	15.882.684.113
Các khoản phải thu khác	23.555.474.720	-	23.555.474.720
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000
Cộng	130.179.076.309	377.783.000	130.556.859.309

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Công
Phải trả người bán	129.800.000	-	129.800.000
Các khoản phải trả khác	4.151.557.196	4.710.937.875	8.862.495.071
Cộng	4.281.357.196	4.710.937.875	8.992.295.071

Số đầu năm

Vay và nợ	10.596.980.027	-	10.596.980.027
Phải trả người bán	129.800.000	-	129.800.000
Các khoản phải trả khác	3.590.264.817	6.334.785.693	9.925.050.510
Cộng	14.317.044.844	6.334.785.693	20.651.830.537

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thu USD từ các khoản thanh toán của khách hàng và bán lại cho ngân hàng để thu lại VND do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.619,13	26.424,71
Các khoản phải trả khác	(284.845,80)	(284.845,80)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(262.226,67)	(258.421,09)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất của tiền USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản đầu tư chứng khoán nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.381.798.472	-	1.036.584.476	-	2.381.798.472	1.036.584.476
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.200.000.000	-	76.288.000.000	-	81.200.000.000	76.288.000.000
Phí thu khách hàng	16.934.306.492	(377.783.000)	15.882.684.113	(377.783.000)	16.556.523.492	15.504.901.113

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản phải thu khác	11.965.536.094	-	23.555.474.720	-	11.965.536.094	23.555.474.720
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000	-	13.794.116.000	13.794.116.000
Cộng	<u>126.275.757.058</u>	<u>(377.783.000)</u>	<u>130.556.859.309</u>	<u>(377.783.000)</u>	<u>125.897.974.058</u>	<u>130.179.076.309</u>

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	-	10.596.980.027	-	10.596.980.027
Phải trả người bán	129.800.000	129.800.000	129.800.000	129.800.000
Các khoản phải trả khác	8.862.495.071	9.925.050.510	7.983.375.488	8.829.092.073
Cộng	<u>8.992.295.071</u>	<u>20.651.830.537</u>	<u>8.113.175.488</u>	<u>19.555.872.100</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Trần Nguyên Trần
Người lập biểu

Cao Xuân Cường
Kế toán trưởng

Ngô Bình Long
Tổng Giám đốc



19815.
G TY
M HƯỚU
VÀ TƯ
X C
PHÒC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	123.775.000.000	9.912.855.351	5.442.470.629	46.854.991.555	275.985.317.535
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.650.684.862	25.650.684.862
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.327.704.057	(3.249.121.712)	(1.921.417.655)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	123.775.000.000	9.912.855.351	6.770.174.686	42.256.554.705	272.714.584.742
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	123.775.000.000	9.912.855.351	6.770.174.686	42.256.554.705	272.714.584.742
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	34.092.362.083	34.092.362.083
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.282.534.243	(3.093.901.091)	(1.811.366.848)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	123.775.000.000	9.912.855.351	8.052.708.929	55.255.015.697	286.995.579.977

Trần Nguyên Trần
Người lập biểu

Cao Xuân Cường
Kế toán trưởng



Ngô Bình Long
Tổng Giám đốc

